

UBND TỈNH VĨNH LONG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-QLN
V/v hướng dẫn trình tự, thủ tục mua, thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án và không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Vĩnh Long, ngày tháng 11 năm 2025

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các chủ đầu tư nhà ở xã hội;
- Các cá nhân có nhu cầu mua nhà ở xã hội.

Căn cứ Luật Nhà ở năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 302/2025/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long Quy định trường hợp người có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Sở Xây dựng hướng dẫn trình tự, thủ tục mua, thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án và không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long như sau:

I. QUY ĐỊNH VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI:

1. Đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh

Theo quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 76 Luật Nhà ở năm 2023, các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, gồm:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.
- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị.
- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp.
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (*Đối tượng này phải chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân*).
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.
- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật nhà ở năm 2023, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật này.
- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.
- Học sinh, sinh viên đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; học sinh trường dân tộc nội trú công lập (*Đối tượng này chỉ được thuê nhà ở xã hội trong thời gian học tập*).
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong khu công nghiệp (*được thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp để bố trí cho cá nhân là công nhân của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mình trong khu công nghiệp đó thuê lại theo quy định*).

2. Về điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

2.1. Điều kiện về nhà ở:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại tỉnh nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc theo Quyết định số 302/2025/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại tỉnh nơi có dự án nhà ở xã hội nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m² sàn/người.

- Chưa được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại tỉnh nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

2.2. Điều kiện về thu nhập:

- Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 20 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 40 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận.

- Thời gian xác định điều kiện về thu nhập trong 12 tháng liền kề, tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận.

- Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì áp dụng điều kiện thu nhập theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025.

- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khoản 4 Điều 76 của Luật Nhà ở: phải thuộc trường hợp hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ.

* Đối tượng quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 76 của Luật Nhà ở nếu thuê nhà ở xã hội thì không phải đáp ứng điều kiện về nhà ở và thu nhập quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Nhà ở năm 2023.

3. Trình tự, thủ tục bán, cho thuê mua nhà ở xã hội: Thực hiện theo quy định đối với trường hợp mua nhà ở xã hội tại Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục cho thuê nhà ở xã hội: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP và không phải nộp các giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở và thu nhập.

5. Nguyên tắc bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội và việc bán lại nhà ở xã hội: Thực hiện theo quy định tại Điều 88 và Điều 89 của Luật Nhà ở năm 2023; Điều 39 và Điều 40 của Nghị định 100/2024/NĐ-CP.

6. Trình tự, thủ tục bán lại nhà ở trong thời hạn 05 năm:

Việc bán lại nhà ở xã hội trong thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 89 của Luật Nhà ở năm 2023 thực hiện như sau:

a) Trường hợp bán lại nhà ở xã hội cho chủ đầu tư dự án thì người bán lại phải thực hiện thủ tục thanh lý Hợp đồng với chủ đầu tư. Việc bán lại thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 89 của Luật Nhà ở năm 2023, quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và pháp luật về đất đai.

b) Trường hợp bán lại nhà ở xã hội cho đối tượng khác thuộc diện được mua, thuê mua nhà ở xã hội thực hiện theo quy định sau:

- Người mua lại nhà ở xã hội phải có các giấy tờ xác nhận về đối tượng và điều kiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an và nộp hồ sơ đến Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án để xác định đúng đối tượng, điều kiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 38 Nghị định 100/2024/NĐ-CP.

- Người bán lại phải làm thủ tục thanh lý Hợp đồng với chủ đầu tư dự án (nếu có). Việc bán lại thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 89 của Luật Nhà ở năm 2023, quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và pháp luật về đất đai.

7. Trình tự, thủ tục bán lại nhà ở sau thời hạn 05 năm:

Trình tự, thủ tục bán lại nhà ở xã hội sau thời hạn 5 năm theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 89 của Luật Nhà ở thực hiện theo quy định sau:

a) Bên bán đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Việc bán lại thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và pháp luật về đất đai.

8. Giấy tờ chứng minh đối tượng, điều kiện về nhà ở và thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội:

Thực hiện theo quy định tại Điều 29,30, 38 và 67 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP; Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025, Thông tư 05/2024/TT-BXD và Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở năm 2023.

a) Mẫu giấy tờ chứng minh đối tượng:

Mẫu giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội thực hiện theo quy định sau đây:

- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật Nhà ở thì giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội là bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh người có công với cách mạng hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận thân nhân liệt sỹ theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 76 của Luật Nhà ở thì giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội là bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo quy định;

- Các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở và đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BXD

- Các đối tượng quy định tại các khoản 5, 6, 8 Điều 76 của Luật Nhà ở, trừ đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không

được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả thực hiện theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BXD;

- Mẫu giấy tờ chứng minh đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BXD.

b) Mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở:

- Mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội hoặc nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo Mẫu số 02 (đối với trường hợp chưa có nhà ở) hoặc Mẫu số 03 (đối với trường hợp có nhà ở) tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 05/2024/TT-BXD.

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn thì vợ hoặc chồng của người đó cũng phải kê khai mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 05/2024/TT-BXD.

c. Mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập:

- Các đối tượng quy định tại các khoản 5, 6, 8 Điều 76 của Luật Nhà ở, trừ đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả thực hiện theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BXD.

- Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BXD.

- Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả thực hiện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BXD.

- Trường hợp người đứng đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội đã kết hôn thì vợ hoặc chồng của người đó cũng phải kê khai mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập theo quy định.

II. Nguyên tắc và tiêu chí xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội (theo khoản 2 Điều 38 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP)

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê mua, thuê (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng.

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê mua, thuê (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo hình thức bốc thăm (trực tiếp hoặc trực tuyến) do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án được phê duyệt tham gia giám sát. Việc bốc thăm phải có biên bản kết quả bốc thăm.

- Trường hợp dự án có đối tượng ưu tiên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 79 của Luật Nhà ở thì được ưu tiên mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội mà không phải bốc thăm với tỷ lệ nhất định. Số lượng căn hộ (căn nhà) dành cho các đối tượng ưu tiên này (không thông qua bốc thăm) được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số hồ sơ

của 05 nhóm đối tượng ưu tiên này trên tổng số hồ sơ đăng ký nhân với tổng số căn hộ (căn nhà) nhà ở xã hội của dự án. Danh sách của nhóm đối tượng ưu tiên được sắp xếp theo thứ tự theo thời điểm nộp hồ sơ. Các căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên được bố trí theo thứ tự của Danh sách ưu tiên cho đến khi hết, các đối tượng còn lại được tiếp tục tham gia bốc thăm.

Trên đây là nội dung hướng dẫn quy trình, thủ tục mua, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Sở Xây dựng gửi các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh biết và phổ biến đến các cá nhân có nhu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- BGĐ SXD;
- Website SXD;
- Lưu: VT, QLN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tăng Thị Đẹp

PHỤ LỤC I

ĐỐI TƯỢNG	THÀNH PHẦN HỒ SƠ
Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.	1. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng: bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh người có công với cách mạng hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ theo quy định 3. Giấy tờ Chứng minh điều kiện về nhà ở: theo Phụ lục I Thông tư 05/2024/TT-BXD - Mẫu số 02 (đối với trường hợp chưa có nhà ở) - Hoặc Mẫu số 03 (đối với trường hợp có nhà ở nhưng diện tích ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người)
Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.	1. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng: bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo quy định 3. Giấy chứng minh về điều kiện nhà ở: theo Phụ lục I Thông tư 05/2024/TT-BXD - Mẫu số 02 (đối với trường hợp chưa có nhà ở) - Hoặc Mẫu số 03 (đối với trường hợp có nhà ở nhưng diện tích ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người) 4. Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập: bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo, cận nghèo.
Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị.	1. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập: Mẫu số 01a tại Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2025/TT-BXD: Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc xác nhận đối với trường hợp có hợp đồng lao động); + Đối với trường hợp không có Hợp đồng lao động, Giấy tờ chứng minh đối tượng thực hiện Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2025/TT-BXD, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại của người kê khai thực hiện việc xác nhận 3. Giấy chứng minh về điều kiện nhà ở: theo Phụ lục I Thông tư 05/2024/TT-BXD - Mẫu số 02 (đối với trường hợp chưa có nhà ở) - Hoặc Mẫu số 03 (đối với trường hợp có nhà ở nhưng diện tích ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người) 4. Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập: theo Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2025/TT-BXD: + Mẫu số 1a: Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc xác nhận đối với trường hợp có hợp đồng lao động + Hoặc theo Mẫu 05: đối với trường hợp không có Hợp đồng lao động thì phải đảm bảo điều kiện về thu nhập theo quy định

	và được cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại xác nhận.
Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp. * Để được thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp thì phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Nhà ở	1. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ * Đơn đăng ký thuê nhà ở lưu trú công nhân trong khu công nghiệp: Mẫu số 02 phụ lục II Nghị định số 100/2024/NĐ-CP. 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập: theo Mẫu số 01a tại Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2025/TT-BXD. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc xác nhận. 3. Giấy chứng minh về điều kiện nhà ở xác minh: Phụ lục I Thông tư 05/2024/TT-BXD. + Mẫu 02 (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình) + Hoặc Mẫu 03 (trường hợp có nhà nhưng diện tích ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người).
Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.	1. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an 3. Giấy chứng minh về điều kiện nhà ở: Phụ lục I Thông tư 05/2024/TT-BXD. + Mẫu 02 (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình) + Hoặc Mẫu 03 (trường hợp có nhà nhưng diện tích ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người). * Chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân. 4. Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập: Mẫu số 04 Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2025/TT-BXD. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc xác nhận. * Để được mua, thuê mua nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân thì phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 78 và điều kiện về thu nhập theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025.
Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.	1. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập: Mẫu số 01a tại Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2024/TT-BXD. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc xác nhận. 3. Giấy chứng minh về điều kiện nhà ở: Phụ lục I Thông tư 05/2024/TT-BXD. + Mẫu 02 (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình) + Hoặc Mẫu 03 (trường hợp có nhà nhưng diện tích ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người). * Trường hợp nghỉ hưu thì nộp bản sao quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí.

Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật này, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật này.	1. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng: theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2025/TT-BXD: Cơ quan quản lý nhà ở công vụ thực hiện việc xác nhận. 3. Giấy chứng minh về điều kiện nhà ở: Phụ lục I Thông tư 05/2024/TT-BXD. + Mẫu 02 (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình) + Hoặc Mẫu 03 (trường hợp có nhà nhưng diện tích ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người).
Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.	1. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng: theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2025/TT-BXD. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở xác nhận về đối tượng. 3. Giấy chứng minh về điều kiện nhà ở: theo Mẫu 02 (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình) hoặc Giấy chứng minh về điều kiện nhà ở theo Mẫu 03 (trường hợp có nhà nhưng diện tích ở bình quân đầu người thấp hơn 15m² sàn/người)
Học sinh, sinh viên đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; học sinh trường dân tộc nội trú công lập. * Được thuê nhà ở xã hội trong thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều 77 Luật Nhà ở năm 2023.	1. Đơn đăng ký thuê nhà ở xã hội: theo Mẫu số 01 Kèm theo Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ 2. Giấy tờ chứng minh đối tượng theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư 32/2025/TT-BXD: Đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; trường dân tộc nội trú công lập thực hiện việc xác nhận.
Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong khu công nghiệp. (Được thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp để bố trí cho cá nhân là công nhân của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mình trong khu công nghiệp đó thuê lại theo quy định tại khoản 7 Điều 77, khoản 1 Điều 93, và Điều 100 Luật Nhà ở năm 2023).	1. Đơn đăng ký thuê nhà ở lưu trú công nhân trong khu công nghiệp: theo Mẫu số 02 phụ lục II Nghị định số 100/2024/NĐ-CP. 2. Hợp đồng thuê mặt bằng khu công nghiệp và đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp

*** Ghi chú:**

- Trường hợp người đứng đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội đã kết hôn thì vợ hoặc chồng của người đó cũng phải kê khai mẫu giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở và thu nhập.

- Đối với trường hợp thuê nhà ở xã hội thì không phải đáp ứng điều kiện về nhà ở và thu nhập theo quy định.

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA, THUÊ NHÀ Ở XÃ HỘI/NHÀ LƯU
TRÚ CÔNG NHÂN TRONG KHU CÔNG NGHIỆP/NHÀ Ở CHO LỰC LƯỢNG
VỮ TRANG NHÂN DÂN**

Mẫu số 01	Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội kèm theo NĐ 261/2025/NĐ-CP
Mẫu số 02	Đơn đăng ký thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp <i>(Kèm theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)</i>

Mẫu số 01. Đơn đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ MUA, THUÊ NHÀ Ở XÃ HỘI**

Hình thức đăng ký¹: Mua ☐ Thuê mua ☐ Thuê ☐

1. Kính gửi²:

2. Họ và tên người viết đơn:

3. Căn cước công dân số cấp ngày/...../..... tại.....

4. Nghề nghiệp³

5. Nơi làm việc⁴:

6. Nơi ở hiện tại:

7. Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú) tại:

8. Thuộc đối tượng⁵:

9. Họ và tên của các thành viên trong hộ gia đình⁶

Căn cước công dân số cấp ngày/...../..... tại.....

10. Thực trạng về nhà ở của tôi như sau:

10.1. Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình ☐

10.2. Có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15 m²
sàn/người⁷ ☐

11. Tôi có mức thu nhập hàng tháng là:

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

² Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu...

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này, trừ đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.

⁵ Ghi rõ người có đơn thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội.

⁶ Ghi rõ họ tên và mối quan hệ của từng thành viên với người đứng đơn.

⁷ Đối với trường hợp độc thân: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đó.

Đối với trường hợp hộ gia đình: diện tích nhà ở bình quân đầu người đối với người đề nghị xác nhận, vợ/chồng người đề nghị xác nhận (nếu có), cha, mẹ của người đề nghị xác nhận bao gồm cả cha, mẹ vợ/chồng của người đó (nếu có) và các con của người đề nghị xác nhận (nếu có).

11.1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều 76 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023⁸ thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:

- Trường hợp người đứng đơn là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 20 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận⁹. ☐

- Trường hợp đối tượng là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận¹⁰. ☐

- Trường hợp người đứng đơn đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) của người đó có tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 40 triệu đồng tính theo Bảng tiền công, tiền lương do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi đối tượng làm việc xác nhận¹¹. ☐

11.2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở¹² thì đánh dấu vào một trong hai ô dưới đây:

- Trường hợp là người độc thân thì có thu nhập hàng tháng thực nhận không quá tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. ☐

- Trường hợp đã kết hôn theo quy định của pháp luật:

+ Tôi và vợ (chồng) tôi đều thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 2,0 lần tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị nơi công tác, quản lý xác nhận. ☐

+ Vợ (chồng) tôi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở thì có tổng thu nhập hàng tháng thực nhận không quá 1,5 lần tổng thu nhập của sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá (gồm lương cơ bản và phụ cấp theo quy định) được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi tôi làm việc xác nhận. ☐

⁸ Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (khoản 5 Điều 76); công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 6 Điều 76); cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 8 Điều 76).

⁹ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân thì có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 20 triệu đồng. Cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹⁰ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên thì thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng. Cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹¹ Trường hợp đối tượng là người thu nhập thấp khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, nếu đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 40 triệu đồng. Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở tại thời điểm đối tượng đề nghị xác nhận điều kiện về thu nhập.

¹² Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thực lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác (khoản 7 Điều 76).

12. Tôi chưa được mua hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở dưới mọi hình thức tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết¹³.....nhà ở xã hội, tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹³ Ghi rõ hình thức được giải quyết chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (mua, thuê mua, thuê).

Mẫu số 02. Đơn đăng ký thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ LƯU TRÚ CÔNG NHÂN TRONG KHU
CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi¹:

Họ và tên người viết đơn:

Căn cước công dân số cấp ngày...../...../..... tại.....

Thuộc đối tượng:.....

Nơi làm việc:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú) sốtại:.....

Tôi cam kết hiện tại không đang thuê nhà ở xã hội hoặc nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.

....., ngày.... tháng năm

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi tên chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp

**MẪU GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI**

Mẫu số 01	Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở và đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả) <i>(Kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</i>
Mẫu số 01a	Giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập để được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 5, 6, 8 Điều 76 của Luật Nhà ở, trừ đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả) <i>(Kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</i>
Mẫu số 02	Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân đối với trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình <i>(Kèm theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)</i>
Mẫu số 03	Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân đối với trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m ² sàn/người <i>(Kèm theo Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)</i>
Mẫu số 04	Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội (áp dụng cho đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Nhà ở)
Mẫu số 05	Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội (áp dụng cho đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả).

Mẫu số 01. Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG

1. Kính gửi¹:.....
2. Họ và tên:.....
3. Căn cước công dân số:cấp ngày...../...../..... tại
4. Nơi ở hiện tại²:.....
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
6. Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)
-
7. Là đối tượng³

¹ - Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng đang làm việc thực hiện việc xác nhận trong trường hợp người kê khai là: (i) Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị; (ii) Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp; (iii) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Trường hợp người kê khai là đối tượng người thu nhập thấp tại khu vực đô thị đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người kê khai đăng ký thường trú/tạm trú thực hiện xác nhận.

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú/tạm trú của người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng thực hiện việc xác nhận trong trường hợp: (i) Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị không có hợp đồng lao động; (ii) Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở;

- Cơ quan quản lý nhà ở công vụ của người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng trong trường hợp người kê khai thuộc đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ.

- Đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; trường dân tộc nội trú công lập thực hiện việc xác nhận Giấy tờ xác nhận về đối tượng đối với học sinh, sinh viên đang học tập tại cơ sở đào tạo, giáo dục do mình quản lý.

² Là nơi thường trú/ tạm trú hoặc nơi ở hiện tại của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

³ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định;

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở;

- Học sinh, sinh viên đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; học sinh trường dân tộc nội trú công lập.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về đối tượng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp..... về:
Ông/Bà..... là đối tượng⁴
(Ký tên, đóng dấu)

⁴ Đối tượng thuộc mục kê khai số 7.

Mẫu số 01a. giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG, THU NHẬP

1. Kính gửi:¹
 2. Họ và tên:
 3. Căn cước công dân số: cấp ngày/....../.....
tại
 4. Nơi ở hiện tại²:
 5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
 6. Nghề nghiệp
 7.

Tên	Cơ	quan	(đơn
vị)			
 8. Là đối tượng³
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.
-, ngày tháng năm
- Người kê khai**
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi người kê khai đang làm việc thực hiện việc xác nhận.

Trường hợp người kê khai đang được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì cơ quan Bảo hiểm xã hội đang chi trả lương hưu hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại thực hiện việc xác nhận.

² Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú; trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi ở hiện tại là nơi người kê khai đang thực tế sinh sống.

³ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (trừ trường hợp người thu nhập thấp tại khu vực đô thị không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở). Trường hợp đối tượng đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì ghi rõ: người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (nghỉ hưu);

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Trường hợp vợ hoặc chồng của người kê khai thực hiện kê khai theo Mẫu này thì không phải kê khai đối tượng tại mục 8.

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

Ông/Bà.....là đối tượng⁴.....

Có tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận theo

Bảng tiền công/tiền lương là.....đồng/tháng

(Ký tên, đóng dấu)

⁴ Đối tượng thuộc mục kê khai số 8.

Mẫu số 02. Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN NHÀ Ở

1. Kính gửi¹: Văn phòng/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai..... thuộc tỉnh/Thành phố..... (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân)
2. Họ và tên:.....
3. Căn cước công dân số:..... cấp ngày .../ .../ ... tại.....
4. Nơi ở hiện tại²:.....
5. Đăng ký thường trú (Đăng ký tạm trú) tại:
6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
Căn cước công dân số..... cấp ngày .../ .../ ... tại.....
7. Đăng ký kết hôn số (nếu có).....
8. Là đối tượng³:.....
9. Tôi và vợ/chồng tôi (nếu có) không có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai

¹ Văn phòng/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại đơn vị hành chính cấp xã hoặc khu vực liên xã, phường thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

² Là nơi thường trú/tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

³ Ghi rõ người kê khai là đối tượng:

- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;
- Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;
- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;
- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
- Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật Nhà ở, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật Nhà ở;
- Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

(sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) tại tỉnh/Thành phố..... (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân)⁴.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về điều
kiện nhà ở
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Văn phòng/Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đaithuộc tỉnh/Thành phố (nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân) về:

Ông/Bà.....không có tên trong Giấy chứng nhận tại tỉnh/Thành phố.....(nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/ nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân).

(Ký tên, đóng dấu)

⁴ Ghi rõ tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

Mẫu số 04. Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

1. Kính gửi²:.....
2. Họ và tên:.....
3. Căn cước công dân số..... cấp ngày...../...../..... tại.....
4. Nơi ở hiện tại³:.....
5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
6. Họ và tên vợ/chồng:
Căn cước công dân số:.....cấp ngày...../...../..... tại
7. Đăng ký kết hôn số.....
8. Là đối tượng⁴:.....

¹ Thời hạn xác nhận điều kiện về thu nhập trong 12 tháng liền kề, tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận.

² Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đang làm việc trong trường hợp người kê khai là: (i) Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị; (ii) Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp; (iii) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác; (iv) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Trường hợp người kê khai là đối tượng người thu nhập thấp tại khu vực đô thị đã nghỉ chế độ (nghỉ hưu) thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng nghỉ chế độ (nghỉ hưu) đăng ký thường trú/tạm trú căn cứ mức lương hưu thực hiện xác nhận điều kiện về thu nhập.

³ Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

⁴ Ghi rõ người kê khai là đối tượng

- Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp;

- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác;

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

Trường hợp người kê khai Giấy xác nhận về điều kiện thu nhập là vợ hoặc chồng của người đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội thì không phải kê khai mục này.

9. Tôi có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận tính theo Bảng tiền công/tiền lương là(photo Bảng tiền công/tiền lương trong 12 tháng liền kề, tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận.)⁵

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về điều
kiện thu nhập
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp..... là
Ông/Bà..... có bình
quân hàng tháng thực nhận tính theo
Bảng tiền công/tiền lương
là.....đồng.
 (Ký tên, đóng dấu)

⁵ Đối với đối tượng là Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, Người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác thì kê khai thu nhập hàng tháng thực nhận do cơ quan, đơn vị nơi công tác quản lý xác nhận (Photo Bảng thu nhập hàng tháng trong 12 tháng liền kề, tính từ thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ cho chủ đầu tư để đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội).

Mẫu số 05. Giấy kê khai về điều kiện thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội đối với đối tượng thu nhập thấp tại khu vực đô thị (trường hợp không có hợp đồng lao động)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

1. Kính gửi: Công an xã/phường¹.....
 2. Họ và tên:.....
 3. Căn cước công dân số..... cấp ngày .../.../... tại.....
 4. Nơi ở hiện tại²:.....
 5. Đăng ký thường trú (đăng ký tạm trú) tại:
 6. Họ và tên vợ/chồng (nếu có):
 - Căn cước công dân số..... cấp ngày .../.../... tại.....
 - Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị) (nếu có).....
 7. Đăng ký kết hôn số (nếu có).....
 8. Họ và tên con (nếu có):
 - Căn cước công dân (hoặc mã định danh) số cấp ngày .../.../..... tại.....
 9. Tôi là người thu nhập thấp tại khu vực đô thị (không có hợp đồng lao động) và có thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận tính theo Bảng tiền công/tiền lương là:
 - Trường hợp là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân: thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 20 triệu đồng
 - Trường hợp là người chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên: thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 30 triệu đồng
 - Trường hợp là người đã kết hôn theo quy định của pháp luật thì người đứng đơn và vợ (chồng) có tổng thu nhập bình quân hàng tháng thực nhận không quá 40 triệu đồng
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

¹ Cơ quan Công an cấp xã nơi thường trú/tạm trú hoặc nơi ở hiện tại xác nhận về điều kiện thu nhập cho đối tượng là người thu nhập thấp (không có hợp đồng lao động).

² Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người kê khai đang thường xuyên sinh sống.

....., ngày tháng năm
Người kê khai Giấy xác nhận về
điều kiện thu nhập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Công an xã/phường.....
là Ông/Bà... .. hiện đang thường trú/tạm trú hoặc nơi
ở hiện nay tại phường/xã có thu nhập bình quân
hàng tháng thực nhận tính theo Bảng tiền công/tiền lương
là³:.....

³ Ghi rõ thu nhập người kê khai là:

- Không quá 20 triệu đồng (đối với trường hợp chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân);
- Không quá 30 triệu (đối với trường hợp chưa kết hôn hoặc được xác nhận là độc thân đang nuôi con dưới tuổi thành niên);
- Không quá 40 triệu đồng (đối với trường hợp đã kết hôn).